

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H kết hôn với anh Nguyễn Ngọc M vào năm 2012; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 05/4/2012. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Đến năm 2013, anh

Nguyễn Ngọc M đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập trang trải cuộc sống gia đình, anh Nguyễn Ngọc M thì thoả về nhà thăm con rồi lại đi luôn, chị Đặng Thị H đi làm thuê cũng không gặp anh bao giờ. Anh Nguyễn Ngọc M chỉ liên lạc về với bố chị Đặng Thị H mà không liên lạc với chị Đặng Thị H. Anh Nguyễn Ngọc M và chị Đặng Thị H sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đặng Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: Có một người con chung tên là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 30/8/2013. Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, chị Đặng Thị H yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Nguyễn Ngọc M không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện Thôn H, xã C, huyện B và Công an xã C, huyện B đều khẳng định anh Nguyễn Ngọc M vẫn cư trú tại Thôn H, xã C, huyện B. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc M vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Ngọc M không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Đặng Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Đặng Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy, anh Nguyễn Ngọc M không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 30/8/2013 cho chị Đặng Thị H trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Ngọc M không phải cấp

dưỡng nuôi con chung và được thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Đặng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc M là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc Minh là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 05/4/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc M là hợp pháp. Quá trình chung sống, do hoàn cảnh kinh tế buộc anh Nguyễn Ngọc M phải đi làm thuê xa nhà, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc M thấy rằng: Anh Nguyễn Ngọc M không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc chị Đặng Thị H có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đặng Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có một người con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 30/8/2013. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về con chung của chị Đặng Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn

nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Đó cũng là nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Huyền T. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đặng Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Đặng Thị H trình bày là không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc M vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đặng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Đặng Thị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001007 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 30/8/2013 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Đặng Thị H đã nộp 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001007 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt